

Table of Contents

A. VỀ CÁC HÀNH TINH (ABOUT THE PLANETS).	3
1. Các hành tinh có những tính cách riêng và chi phối các Cung (Planets have personalities and rule Signs).	3
2. Hành tinh Nghịch hành - Rx (Planets Retrograde - Rx).	4
3. Các hành tinh chủ quản (Planet dispositors).	4
4. Tiếp nhận lẫn nhau (Mutual Reception).	4
5. Biểu tượng hành tinh (Planet glyphs).	5
6. Sức mạnh của hành tinh theo cung (Planet strengths by sign).	5
7. Sức mạnh của Hành tinh từ các yếu tố khác (Planet Strengths from other factors).	6
8. Hành tinh không có tiến trình (Planets, void of course).	7
9. Mô hình Hành tinh (Planet Patterns).	7
10. Những "Món quà" các vị thần ban cho các Hành tinh mang tên họ (The "Gifts" the Gods give to the Planets named after them).	10

A. VỀ CÁC HÀNH TINH (ABOUT THE PLANETS).

Các hành tinh có thể được đọc hiểu ở ba cấp độ. Như một phần của phần tâm linh - ví dụ, Hỏa Tinh chi phối các đam mê. Như một bộ phận cơ thể - Hỏa Tinh chi phối các cơ quan sinh sản. Như một trải nghiệm bên ngoài, một vật hoặc con người - Hỏa Tinh chi phối xung đột, chiến tranh, vũ khí quân sự và những người đàn ông trẻ hung hăng. Trong chương này, các thành phần tạo nên bản chất của một hành tinh được giải thích.

Planets can be read on three levels. As part of the psyche - for example, Mars rules the passions. As a body part - Mars rules the reproductive organs. As an outer experience, a thing or person - Mars rules conflict, war, military weapons and aggressive young men. In this chapter, the components that make up a planet's nature are explained.

1. Các hành tinh có những tính cách riêng và chi phối các Cung (Planets have personalities and rule Signs).

Mỗi hành tinh có phẩm chất riêng của nó. Nó cũng mang năng lượng của cung mà nó chi phối. Trong chiêm tinh học cổ điển, một số hành tinh được xem là không may mắn, mang điềm xấu - Hỏa Tinh, Thổ Tinh, Thiên Vương Tinh, Hải Vương Tinh và Diêm Vương Tinh. Kim Tinh và Mộc Tinh được xem là may mắn, mang điềm tốt. Trong Chiêm Tinh Học Tâm Lý, những hành tinh mang điềm xấu đại diện cho những "cái bóng" trong phần tâm linh của chúng ta. Trong Chiêm Tinh Học Nội Môn, chúng đại diện cho các mảnh lực tinh thần thúc đẩy chúng ta chuyển hóa và phát triển.

Each planet has its own quality. It also carries the energy of the sign it rules. In classical astrology certain planets were considered unfortunate, malefic - Mars, Saturn, Uranus, Neptune and Pluto. Venus and Jupiter were considered fortunate, benefic. In Psychological Astrology, the malefics represent "shadows" within our psyche. In Esoteric Astrology, they represent spiritual forces which urge us to transform and grow.

Trong xã hội, các hành tinh đại diện cho con người.

- Mặt Trời: các nhà độc tài, kẻ độc đoán, vua chúa, lãnh đạo, tổng thống, thủ tướng, người cai trị.
- Mặt Trăng: người mẹ, vợ, phụ nữ nói chung và những người trưởng thành hoặc đang mang thai. Thủy Tinh: thông dịch viên, sứ giả, người viết, người du lịch.
- Kim Tinh: người yêu, người tình, phụ nữ trẻ hấp dẫn.
- Hỏa Tinh: người chiến đấu, côn đồ, lính, đàn ông trẻ, thanh niên.
- Mộc Tinh: người của nhà thờ, người đánh bạc, triết gia, giáo viên, người đi du lịch xa, giáo sư đại học.
- Thổ Tinh: người có thẩm quyền, trưởng lão, ông bà, người thực thi pháp luật, người già, chuyên gia, người khôn ngoan.
- Thiên Vương Tinh: người vô chính phủ, người lập dị, người cách mạng, nhà khoa học, người cải cách xã hội.
- Hải Vương Tinh: kẻ lừa đảo, linh mục, pháp sư, người chữa lành tinh thần, người có tầm nhìn xa.
- Diêm Vương Tinh: sát thủ, tội phạm, người chữa bệnh, đao phủ, người xử lý rác thải hoặc nước thải, điệp viên.

In society, the planets represent people.

- Sun: autocrats, dictators, kings, leaders, presidents, prime ministers, rulers.
- Moon: mothers, wives, women generally and those who are mature or pregnant. Mercury: interpreters, messengers, scribes, travellers.

- Venus: lovers, mistresses, young attractive women.
- Mars: fighters, hoodlums, soldiers, young men, youths.
- Jupiter: church people, gamblers, philosophers, teachers, long-distance travellers, university professors.
- Saturn: authority figures, elders, grandparents, law enforcers, old people, professionals, wise people.
- Uranus: anarchists, eccentrics, revolutionaries, scientists, social reformers.
- Neptune: con-men, priests, shamans, spiritual healer, visionaries.
- Pluto: assassins, criminals, healers, executioners, rubbish or sewerage disposers, spies.

2. Hành tinh Nghịch hành - Rx (Planets Retrograde - Rx).

Mặt Trời và Mặt Trăng không bao giờ nghịch hành. Biểu tượng cho nghịch hành là chữ R hoa với một đường gạch ngang qua phần dưới, Nghịch hành xảy ra khi một hành tinh dường như di chuyển ngược lại khi một hành tinh nhanh hơn đi ngang qua nó. Điều này được giải thích là nghiệp quả. Do sự sử dụng sai một chức năng trong kiếp sống trước, cá nhân đang được tái giáo dục về cách sử dụng đúng đắn các nguyên khí được tượng trưng bởi hành tinh đó. Điều này quan trọng chủ yếu đối với Thủy Tinh, Kim Tinh, Hỏa Tinh - các hành tinh cá nhân đại diện cho thể trí, tình cảm và cảm xúc đam mê. Thủy Tinh nghịch hành chỉ ra các bài học liên quan đến giao tiếp đúng đắn; Kim Tinh nghịch hành, bài học về tình yêu và các mối quan hệ; Hỏa Tinh nghịch hành, bài học về ham muốn và biểu hiện tính dục. Các hành tinh "vòng ngoài", di chuyển chậm, mang tính biến đổi thường xuyên nghịch hành. Trong trường hợp của chúng, giai đoạn nghịch hành đơn giản là kéo dài trải nghiệm học hỏi.

The Sun and Moon are never retrograde. The symbol for retrograde is a capital R with a stroke across the lower part, Retrograde occurs when a planet appears to be moving backwards as a faster planet passes it. It is interpreted as being karmic. Because of the misuse of a function in a previous life, the individual is being re-educated in the right use of the principles symbolised by the planet. It is important mainly for Mercury, Venus, Mars - the personal planets that represent the mind, affections and passionate emotions. Mercury retrograde indicates lessons to do with communicating correctly; Venus retrograde, lessons with love and relationships; Mars retrograde, lessons to do with desire and sexual expression. The outer, slow-moving, transformative planets are retrograde often. In their case, the retrograde phase simply prolongs the learning experience.

3. Các hành tinh chủ quản (Planet dispositors).

"Disposit" là một thuật ngữ chiêm tinh có thể được định nghĩa là một hành tinh có quyền lực đối với hành tinh khác. Một hành tinh chủ quản bất kỳ hành tinh nào nằm trong cung mà nó cai quản. Hành tinh chủ quản này điều chỉnh hành tinh được chủ quản. Ví dụ, nếu Hỏa Tinh - Vị thần Chiến tranh được chủ quản trong Thiên Bình, thì năng lượng của Kim Tinh sẽ làm dịu bớt hoặc điều chỉnh tính hung hăng của nó. Những đặc điểm bất trị sẽ được xã hội hóa đến một mức độ nhất định.

"Disposit" is an astrology term that can be defined as one planet having power over another. A planet disposes any planet which is in the sign it rules. This disposing planet modifies the disposed planet. For example, if Mars the God of War is disposed in Libra, then Venus' energy will tone down or modify its aggression. The unruly traits will be socialised to a certain extent.

4. Tiếp nhận lẫn nhau (Mutual Reception).

Hai hành tinh nằm trong cung của nhau được gọi là tiếp nhận lẫn nhau. Điều này mang lại hiệu ứng hài hòa giữa

hai hành tinh. Ví dụ, Hỏa Tinh trong Thiên Bình và Kim Tinh trong Bạch Dương, đang trong tình trạng tiếp nhận lẫn nhau. Tương tự như vậy với Mặt Trăng trong Ma Kết và Thổ Tinh trong Cự Giải. Thông thường, những hành tinh này sẽ thù địch với nhau nên sự tiếp nhận lẫn nhau là điều may mắn. Trong phạm vi nó thể hiện sự hòa giải giữa hai yếu tố liên quan, tăng cường sự hài hòa giữa hai khía cạnh trước đây đối đầu nhau.

Two planets that are located in each other's signs, are said to be in mutual reception. This brings a harmonising effect between the two planets. For example, Mars in Libra and Venus in Aries, are in mutual reception. So are the Moon in Capricorn and Saturn in Cancer. Ordinarily, these planets would be hostile to each other so mutual reception is fortunate. In the personality it shows a reconciliation between the two factors involved, increased harmony between two previously warring aspects.

5. Biểu tượng hành tinh (Planet glyphs).

Biểu tượng hành tinh (☉, ☾, ♀, v.v.), thường được phân tách thành ba yếu tố phổ biến: Một vòng tròn biểu thị tinh thần hoặc thể trí, một lưỡi liềm biểu thị linh hồn hoặc cảm xúc, và một chữ thập biểu thị thể xác.

Planet glyphs (☉, ☾, ♀, etc), are usually broken down into three common elements: A circle denoting spirit or mind, a crescent denoting the soul or the emotions, and a cross denoting the physical body.

6. Sức mạnh của hành tinh theo cung (Planet strengths by sign).

Tướng. Điều này xảy ra khi một hành tinh nằm trong cung mà nó cai quản, chẳng hạn như Thổ Tinh ở Ma Kết. Các phẩm chất tích cực của hành tinh được củng cố.

Dignity. This occurs when a planet is located in the sign it rules, such as Saturn in Capricorn. The planet's positive qualities are strengthened.

Vượng. Điều này xảy ra khi một hành tinh nằm trong cung mà nó được tăng cường sức mạnh. Một lần nữa, những phẩm chất đặc biệt mà hành tinh đại diện được củng cố và tăng cường. Trạng thái thăng hoa là biểu hiện tích cực nhất của một hành tinh.

Exalted. This occurs when a planet is in the sign which enhances its power. Once again, the particular qualities the planet represents are strengthened and enhanced. Exaltation is a planet's most positive expression.

Tù. Điều này xảy ra khi một hành tinh nằm trong cung đối diện với cung mà nó cai quản - chẳng hạn như Thổ Tinh ở Cự Giải, cung đối diện với Ma Kết. Các đặc điểm tích cực mà hành tinh đại diện bị suy yếu và các mặt tiêu cực được tăng cường. Điều này sẽ biểu hiện thông qua phạm vi như một đặc điểm tiêu cực và hành vi rối loạn, cho đến khi được điều chỉnh.

Detriment. This occurs when a planet is located in a sign opposite its own - such as Saturn in Cancer, the sign opposite Capricorn. The positive traits represented by the planet are weakened and the negatives are strengthened. This will manifest through the personality as a negative trait and dysfunctional behaviour, until corrected.

A. VỀ CÁC HÀNH TINH (ABOUT THE PLANETS).

Tử. Điều này xảy ra khi một hành tinh nằm trong cung đối diện với cung mà nó được thăng hoa. Mô hình hành vi tiêu cực trở nên cấp tính hơn và cần nỗ lực lớn hơn để điều chỉnh.

Falls. This occurs when a planet is located in the sign opposite to that in which it is exalted. The negative behavioural pattern is more acute and it takes greater effort to correct it.

Sức mạnh của các Hành tinh theo Cung

Các Cung	Tướng (được củng cố)	Vượng (được tăng cường)	Trong Tù (năng lượng bị méo mó)	Tử (năng lượng bị méo mó)
Mặt Trời	Sư Tử	Bạch Dương	Bảo Bình	Thiên Bình
Mặt Trăng	Cự Giải	Kim Ngưu	Ma Kết	Hổ Cáp
Thủy Tinh	Song Tử-Xử Nữ	Bảo Bình	Nhân Mã-Song Ngư	Sư Tử
Kim Tinh	Kim Ngưu-Thiên Bình	Song Ngư	Hổ Cáp-Bạch Dương	Xử Nữ
Hỏa Tinh	Bạch Dương-Hổ Cáp	Ma Kết	Thiên Bình-Kim Ngưu	Cự Giải
Mộc Tinh	Nhân Mã-Song Ngư	Cự Giải	Song Tử-Xử Nữ	Ma Kết
Thổ Tinh	Ma Kết	Thiên Bình	Cự Giải-Sư Tử	Bạch Dương
Thiên Vương Tinh	Bảo Bình	Hổ Cáp	Sư Tử	Kim Ngưu
Hải Vương Tinh	Song Ngư	Cự Giải	Xử Nữ	Ma Kết
Diêm Vương Tinh	Hổ Cáp	Bạch Dương	Kim Ngưu	Thiên Bình

Planet Strengths by Sign

Signs	Dignified <i>strengthened</i>	Exalted <i>strengthened</i>	In Detriment <i>energy distorted</i>	Falls <i>energy distorted</i>
Sun	Leo	Aries	Aquarius	Libra
Moon	Cancer	Taurus	Capricorn	Scorpio
Mercury	Gemini-Virgo	Aquarius	Sagittarius-Pisces	Leo
Venus	Taurus-Libra	Pisces	Scorpio-Aries	Virgo
Mars	Aries-Scorpio	Capricorn	Libra-Taurus	Cancer
Jupiter	Sagittarius-Pisces	Cancer	Gemini-Virgo	Capricorn
Saturn	Capricorn	Libra	Cancer-Leo	Aries
Uranus	Aquarius	Scorpio	Leo	Taurus
Neptune	Pisces	Cancer	Virgo	Capricorn
Pluto	Scorpio	Aries	Taurus	Libra

7. Sức mạnh của Hành tinh từ các yếu tố khác (Planet Strengths from other factors).

Một hành tinh không có góc chiếu. Không có các góc chiếu chính với các hành tinh khác. Điều này rất quan trọng nếu hành tinh bị ảnh hưởng là một trong các hành tinh cá nhân - Mặt Trời, Mặt Trăng, Thủy Tinh, Kim Tinh và Hỏa Tinh. Nó tượng trưng cho một phần chưa phát triển và bị tách rời của phần tâm linh cần được tích hợp trở lại vào phạm ngã. Hành tinh quản thủ nắm giữ chìa khóa để tích hợp.

An unaspected planet. There are no major aspects to other planets. This is very important if the planet affected is one of the personal planets - the Sun, Moon, Mercury, Venus and Mars. It symbolises an undeveloped and alienated part of the psyche which needs to be integrated back into the personality. The dispositor planet holds the key to integration.

A. VỀ CÁC HÀNH TINH (ABOUT THE PLANETS).

Ví dụ: Thủy Tinh không có góc chiếu ở Thiên Bình. Điều này thể hiện khó khăn trong giao tiếp, có thể là không có khả năng nói ra về các vấn đề trong mối quan hệ. Bởi vì Kim Tinh quản thủ Thủy Tinh, nó nắm giữ chìa khóa để chữa lành những khó khăn này. Nếu chẳng hạn, nó ở Ma Kết trong nhà mười - những khó khăn này có thể được giúp đỡ thông qua sự phát triển liên quan đến sự nghiệp, chẳng hạn như kỹ năng nói trước công chúng tốt.

For example: unaspected Mercury in Libra. This represents communication difficulties, perhaps an inability to speak out about relationship issues. Because Venus disposes Mercury, it holds the key to healing these difficulties. If for instance, it was in Capricorn in the tenth house - these difficulties could be helped through developments associated with the career, such as good public speaking skills.

Hành tinh cao nhất. Đây là hành tinh gần nhất với MC của lá số. Những gì hành tinh tượng trưng - và cung mà nó tọa lạc, sẽ có một ảnh hưởng quan trọng tới cuộc sống theo hướng tốt hoặc xấu.

Most elevated planet. This is the planet closest to the MC of the chart. What the planet symbolises - and the sign it is in, will have an important influence on the life for good or ill.

Hành tinh bị suy yếu. Một hành tinh bị suy yếu nếu nó ở trong cung mà nó thất thế hoặc trong tình trạng suy, nếu nó không có góc chiếu hoặc nghịch hành. Một hành tinh cũng bị suy yếu nếu nó có nhiều góc chiếu xấu với các hành tinh khác. Điều này làm biến dạng/ tàn phế/ suy giảm biểu hiện của hành tinh.

Afflicted planets. A planet is afflicted if it is in a sign where it falls or is in detriment, if it is unaspected or retrograde. A planet is also afflicted if it has multiple hard aspects to other planets. This distorts/ cripples/ impairs the planet's expression.

8. Hành tinh không có tiến trình (Planets, void of course).

Áp dụng cho hành tinh đã hoàn thành tất cả các góc chiếu với các hành tinh khác trước khi rời khỏi cung hiện tại. Trong giai đoạn này, trước khi bước vào cung mới, hành tinh thiếu lực sáng tạo và không nên bắt đầu nhiệm vụ mới nào.

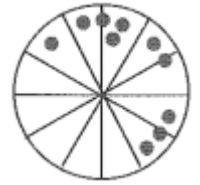
Applies to a planet that has completed all aspects to other planets before leaving the sign it is in. In this period, before the new sign is entered, the planet lacks creative force and no new tasks should be started.

9. Mô hình Hành tinh (Planet Patterns).

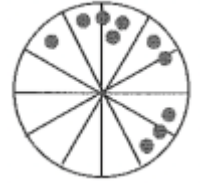
Có sáu Mô hình Hành tinh được công nhận (mỗi mô hình đại diện cho một kiểu tính cách được công nhận), và một mô hình thứ bảy không tuân theo quy tắc - Splay.

There are six recognised Planetary Patterns (each one representing a recognised personality type), and a seventh non-conformist pattern - the Splay.

Chén. Các hành tinh nằm trong sáu cung hoặc nhà liên tiếp. Những cá nhân có mô hình này là người tự túc và có lý tưởng hoặc mục tiêu cao cả mà họ cố gắng thực hiện. Sự hy sinh cá nhân thường là phẩm chất được thể hiện rõ. Hành tinh dẫn đầu (tức là hành tinh đầu tiên sau khi đi qua phần trống của lá số theo chiều ngược kim đồng hồ) cung cấp động lực thúc đẩy; hành tinh cuối cùng tượng trưng cho mục tiêu.



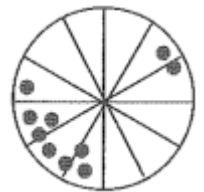
Bowl. The planets are in six consecutive signs or houses. Individuals with this pattern are self-contained and have high ideals or goals which they strive to realise. Personal sacrifice is a quality often demonstrated. The lead planet (i.e. the first planet after going through the empty part of the chart in an anticlockwise direction) provides the driving force; the end planet symbolises the goal.



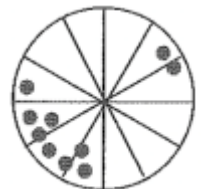
Ví dụ. Thiên Vương Tinh là hành tinh dẫn đầu và Mặt Trăng là hành tinh cuối cùng. Cá nhân này có tính đổi mới và cởi mở với những điều mới và không theo quy ước (Thiên Vương Tinh), đặc biệt khi tìm kiếm sự thỏa mãn cảm xúc hoặc mục tiêu trong đó có đầu tư cảm xúc (Mặt Trăng).

EG. Uranus as the lead and the Moon as the end planet. This individual is innovative and open to the new and unorthodox (Uranus), especially when seeking emotional satisfaction or goals in which there is an emotional (Moon) investment.

Xô nước. Một hành tinh đơn lẻ đối đỉnh với tất cả các hành tinh ở phía đối diện. Năng lượng tạo ra bởi nhóm lớn các hành tinh sẽ cố gắng tìm cách giải phóng thông qua hành tinh đơn lẻ đó. Do đó, rất quan trọng là chức năng được tượng trưng bởi hành tinh này hoạt động tốt, nếu không năng lượng ứ đọng, tức giận và thất vọng sẽ xuất hiện. Nếu Hỏa Tinh là tay cầm, năng lượng sẽ được tập hợp và truyền đi một cách nhiệt tình và mạnh mẽ. Thổ Tinh sẽ mang lại cách truyền đạt có đo lường, thận trọng. Tay cầm có thể có tối đa 2 hành tinh.



Bucket. A single planet opposes all planets on the opposite side. The energy generated by the large group of planets will try to find release through the single planet. It is crucial therefore that the function symbolised by this planet is working well, or congested energy, anger and frustration will result. If Mars is the handle, the energies are gathered up and delivered enthusiastically and with "punch". Saturn will give a measured, cautious delivery. The handle can have a maximum of 2 planets.



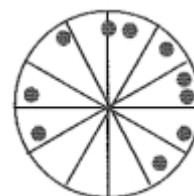
Bó chùm. Các hành tinh được chứa trong một tam hợp, bốn cung hoặc bốn nhà. Sự pha trộn các mảnh lực này tạo ra một kiểu phàm ngã rất mạnh mẽ. Những người có kiểu bó chùm là những người có định hướng rõ ràng, tự thúc đẩy bản thân, dẫn đầu xu hướng và tự lập. Họ có thể xây dựng mọi thứ từ con số không. Họ cũng có thể bị ức chế, ám ảnh, ích kỷ và rất tự cho mình là trung tâm. Họ có xu hướng đặt tất cả trứng vào một giỏ và điều này có thể gây ra thảm họa nếu mọi thứ diễn ra không suôn sẻ và tất cả đổ sụp. Họ phải bắt đầu xây dựng lại từ đầu.



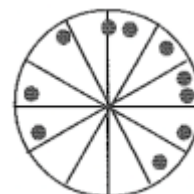
Bundle. The planets are contained within a trine, four signs or four houses. This cocktail of forces gives a very intense personality type. Bundle people are single-minded, self-mobilised trail blazers and self-sufficient. They can build something from nothing. They can also be inhibited, obsessive, selfish and very self-centred. They tend to put all their eggs into one basket and this can be catastrophic for them if things go wrong and everything comes crashing down. They have to start building from new.



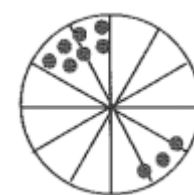
Đầu tàu. Các hành tinh lấp đầy hai phần ba của lá số. Những kiểu phàm ngã này có một động lực mạnh mẽ thúc đẩy hành động. Họ thường tham gia vào việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng. Họ là những người lý tưởng và sẽ làm việc chăm chỉ để đạt được khát vọng của mình. Họ bắt đầu các phong trào sau đó để lại cho những người theo họ quản lý, trong khi họ tiếp tục ra ngoài tìm kiếm thách thức mới. Có nhiều điểm chung với kiểu Chén, nhưng kiểu Đầu tàu thích phiêu lưu hơn. Áp dụng nguyên tắc về hành tinh dẫn đầu/kết thúc.



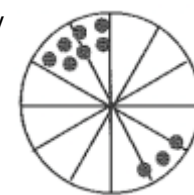
Locomotive. Planets fill two thirds of the chart. These personality types have a driving urge to action. They are often involved with solving the community's problems. They are idealists and will work hard to achieve their aspirations. They start movements then leave them to their followers to manage, going out after new challenges. There is much in common with the Bowl type, but the Locomotive is more adventurous. Apply the lead/ end planet principle.



Bập bênh. Trong kiểu mẫu này, các hành tinh đối đỉnh nhau qua lá số. Những kiểu phàm ngã này phát triển mạnh trong xung đột và sự phấn khích. Xu hướng tự nhiên của họ là dao động đến cực đoan và qua lại - đây là nguồn gốc vấn đề của họ. Họ cần thực hành sự điều độ trong mọi việc, tìm kiếm con đường trung đạo, cố gắng giữ bản thân ở trung tâm trong những biến động cảm xúc.



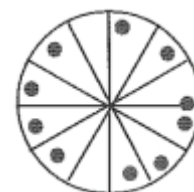
Seesaw. In this pattern type, the planets oppose each other across the chart. These personality types thrive on conflict and excitement. Their natural inclination is to swing to extremes and back and forth - this is the root of their problem. They need to practise moderation in all things, look for the middle-way, try to centre themselves in the midst of emotional upheavals.



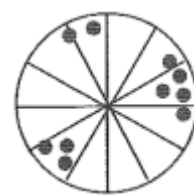
Bán tấu. Không quá một trùng tụ hành tinh hoặc 4 nhà trống. Kiểu phàm ngã này có thể khác quan hơn những kiểu khác - họ có xu hướng nhìn nhận cuộc sống theo một góc nhìn rộng. Họ rất đa tài và có thể làm nhiều việc cùng một lúc. Điều này có thể dẫn đến cách tiếp cận cuộc sống kiểu "biết một chút mọi thứ, nhưng không thành thạo gì cả". Nếu áp dụng kỷ luật, họ có thể phối hợp năng lượng của mình theo một hướng chuyên môn.



Splash. Not more than one planetary conjunction or 4 houses empty. This personality type can be more impersonal than the others they tend to take a broad view of life. They are very versatile and can do several things at once. This could lead to a "jack of all trades, master of none" approach to life. If discipline is applied, they can coordinate their energies into a specialised direction.



Xòe. Có ba nhóm không đều đặn trong mô hình này - nhưng bất kỳ sự sắp xếp hành tinh không tuân theo quy luật nào khác đều thuộc vào phân loại này. Đây là những người không theo khuôn phép của hoàng đạo, những người không vừa vặn gọn gàng vào bất kỳ khuôn mẫu nào của cuộc sống. Họ rất mãnh liệt, độc lập và sẽ không cho phép người khác ràng buộc họ vào các mô hình có thể dự đoán được. Họ có khả năng định hướng năng lượng của mình một cách xây dựng vào nhiều hướng chuyên biệt.



Splay. There are three irregular groups in the pattern - but any other non-conforming planet arrangement fits into this category. These are the nonconformists of the zodiac who do not fit neatly into any of life's pigeon holes. They are very intense, independent and will not allow others to tie them into predictable patterns. They have the ability to direct their energies constructively into several specialised directions.



10. Những "Món quà" các vị thần ban cho các Hành tinh mang tên họ (The "Gifts" the Gods give to the Planets named after them).



Mặt Trời. Biểu tượng của Mặt Trời là con mắt của Ra, của Cha-Thượng Đế. Mặt Trời ban cho quyền lực và địa vị, sự quyết đoán nam tính tự tin và khả năng lãnh đạo. Nó cũng cho khả năng thắp sáng cả căn phòng chỉ bằng sự xuất hiện. Một nước da sáng, rục rờ và mái tóc dày, màu sắc tươi sáng bao quanh đầu như một hào quang, là những đặc điểm vật chất của nó.



Sun. The symbol for the Sun is the eye of Ra, of Father-God. The Sun gives power and status, confident masculine assertiveness and leadership. It also gives an ability to light up a room just by making an appearance. A bright, glowing complexion and thick, bright-coloured hair that surrounds the head like a nimbus, are its physical attributes.

Mặt Trăng. Mặt Trăng là biểu tượng của Mẹ-Vật chất. Bà ban cho vẻ óng ánh bạc (về mặt vật chất hoặc cảm xúc) - làn da nhợt nhạt, sữa và mái tóc đen tương phản. Về tính cách, Mặt Trăng ban cho nữ tính trưởng thành, sự e thẹn và khiêm tốn.



Moon. The Moon is a symbol of Mother-Matter. She gives a silvery sheen (physically or emotionally) - pale, milky skin and contrasting dark hair. In character, the Moon bestows mature femininity, shyness and modesty.



Thủy Tinh. Sứ giả của các vị thần, có chân nhanh nhẹn, mảnh khảnh và vẻ ngoài trẻ trung. Ông truyền những đặc điểm này cho những người thuộc cung của mình cùng với chân tay dài, lông lẻo, chiều cao và nổi cục Adam. Người của ông thiên về trí tuệ, là những sứ giả của hoàng đạo, trình bày ý tưởng của họ thông qua mọi hình thức giao tiếp.



Mercury. The Messenger of the Gods, is fleet-footed, slim and youthful looking. He passes these characteristics on to those in his signs along with long, loose limbs, height and an Adam's Apple. His people are cerebral, are the messengers of the zodiac, presenting their ideas through all manner of communications.

Kim Tinh. Nữ thần Sắc đẹp ban cho người của mình vẻ ngoài ưa nhìn, sự quyến rũ, làn da đẹp, đôi môi đầy đặn và cong, lúm đồng tiền, lông mi dài và thân hình đầy đặn hoặc cân đối. Về mặt vật chất, họ thường là những thành viên đẹp nhất của hoàng đạo. Kim Tinh cũng ban nhiều phước lành có lợi cho các mối quan hệ. Ham muốn tình dục mạnh mẽ hơn ở Kim Ngưu (cung của ham muốn) so với ở Thiên Bình thiên về trí tuệ.



Venus. The Goddess of Beauty gives good looks to her people charm, beautiful skin, full and curving lips, dimples, long eyelashes and curvaceous or well-formed bodies. Physically they are often the most beautiful-looking members of the zodiac. Venus also gives many blessings that benefit relationships. The sex-drive is more compelling in Taurus (the sign of desire), than it is in cerebral Libra.



Hỏa Tinh. Vị Thần Chiến Tranh mang bản chất hiếu chiến cho những người thuộc về y. Những người thuộc loại cao cấp hơn thì quyết đoán, gan dạ, dũng cảm và chiến đấu cho những lý tưởng họ tin tưởng. Những linh hồn trẻ hơn là những kẻ bắt nạt hung hăng. Hỏa Tinh tạo ra thân thể của một chiến binh, nhỏ gọn, khỏe mạnh, cường tráng, năng động, gầy và cơ bắp.



Mars. The God of War gives a warlike nature to its people. Higher types are assertive, courageous, brave and fight for causes they believe in. Younger souls are aggressive bullies. Mars gives the body of a warrior, compact, fit, strong, active, lean and muscular.

Mộc Tinh. Ông là vua của các vị thần, cai quản bầu trời và sấm sét. Nổi tiếng với sự hài hước và rộng rãi, ông cũng là người hay uống rượu và trăng hoa. Ông mang những đặc điểm này và tình yêu với đồ uống có cồn, thức ăn giàu dinh dưỡng và sự thái quá. Ông cũng được coi là người khôn ngoan, và tình huynh đệ cùng sự minh triết là những phẩm chất cao quý mà ông ban tặng.



Jupiter. He was the king of the gods, of the sky and thunder. Renowned for his good humour and largesse, he was also a boozier and womaniser. He gives these traits and a love of intoxicating drinks, rich food and excesses. He was also considered wise, and brotherly love and wisdom are the higher qualities he confers.



Thổ Tinh. Về ngoại hình, Thổ Tinh thường được miêu tả với vẻ ủ rũ, gầy gò, phiền muộn, tối tăm; và khi được vẽ với một lưỡi hái như Thần Chết, ông trông có vẻ nguy hiểm. Ông truyền những đặc điểm này cho người của mình, cùng với một cằm nhọn dài và một chiếc mũi to, cong xuống.



Saturn. In appearance, Saturn is usually depicted as dour looking, thin, troubled, dark; and when he is pictured with a scythe as the Reaper of Souls, he looks dangerous. These traits he gives to his people, along with a long pointy chin and a large, dipping nose.

Thiên Vương Tinh. Ouranos là một Vị Thần Bầu Trời. Mãnh lực của ông mang tính điện và những người thuộc về Thiên Vương Tinh trông như họ vừa bị điện giật, với đôi mắt long lanh, hoang dại và mái tóc xoắn, quăn. Họ là những người cá tính, sống theo nhịp trống của riêng mình - những kẻ nổi loạn muốn thay đổi thế giới.



Uranus. Ouranos is a Sky-God. His force is electrical and Uranian people look like they have had a shock, with wild, sparkling eyes and kinky, curling hair. They are individualists who walk to the beat of their own drum - rebels who want to change the world.





Hải Vương Tinh. Vị Vua của Đại Dương mang lại sự sùng tín, lý tưởng hóa, định hướng tinh thần và một bản chất rất nhạy cảm, đồng cảm. Về ngoại hình, những người thuộc loại Hải Vương Tinh thường mảnh mai, có vẻ ngoài như thuộc về một thế giới khác, di chuyển lướt nhẹ và mang một hào quang ma thuật quanh mình.



Neptune. The King of the Oceans gives devotion, idealism, a spiritual orientation and a very sensitive and empathetic nature. In appearance, Neptunian types are svelte, other-worldly looking, who glide when they move and carry a magical aura about them.

Diêm Vương Tinh. Vị Thần của Địa Ngục. Hình ảnh là Anubis, vị Thần Của Người Chết của Ai Cập. Diêm Vương Tinh tăng thêm sự tối tăm và ngoại hình sạm nắng. Đôi khi những người của ông có một bộ phận cơ thể không cân đối hoặc biến dạng. Nó cũng mang lại ý chí mạnh mẽ và sức mạnh để biến đổi về mặt tâm lý.



Pluto. God of the Underworld. The picture is Anubis, the Egyptian God of the Dead. Pluto adds darkness and a swarthy appearance. Sometimes his people have a body part that is disproportionate or misshapen. It also gives a formidable will and power to transform psychologically.

